

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 198/2025/DS-PT
Ngày 03-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương
Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tân Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLPT-DS ngày 07/02/2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 952/2025/QĐ-PT ngày 13/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc V năm 1988

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Kim L (Ú), sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ bạn bè, ngày 27/10/2023 bà H2 bà L1 số tiền 220.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 01/01/2024, khi chốt nợ lại bà L2 nợ bà H3 cộng là 241.500.000 đồng. Việc vay tiền hai bên có làm giấy tay. Trong giấy tay có

tiêu đề “Giấy mượn tiền”, bà L3 ghi nhiều nội dung nhưng cuối cùng bà L(Úchốt lại còn nợ bà H4 tiền 241.500.000 đồng, có ghi bằng chữ và ký tên.

Bà H5 cầu bà L5 số tiền còn nợ là 241.500.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/01/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Võ Thị Kim L4 bày:

Ngày 27/10/2023, bà có vay của bà Hằng số tiền 220.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 01/01/2024, bà H6 lãi và vốn với số tiền 241.500.000 đồng. Theo “Giấy mượn tiền” bà H7 cấp bà có viết và ký tên nhưng các dòng chữ ở đoạn giữa giấy mượn tiền có nội dung “ngày 19/3/2024 lấy 100 tr Út còn 241 500 tr ngày 1/1/2024” bà không có viết, chữ này của bà H8. Nội dung này thể hiện ngày 01/01/2024 chốt nợ bà còn nợ bà H9 đồng nhưng đến ngày 19/3/2024 bà đã trả cho bà Hằng số tiền 100.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ bà H4 tiền 141.500.000 đồng. Ngoài ra, bà có trả tiền lãi cho bà H10 đợt tổng cộng 16.000.000 đồng, đợt 01 trả lãi 9.000.000 đồng và đợt 02 trả lãi 7.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ nên không có chứng cứ chứng minh.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H1

Buộc bà Võ Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị H11 Stien là 157.370.138 (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi tám) đồng, trong đó tiền gốc là 141.500.000 (Một trăm bốn mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi là 15.870.138 (Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi tám) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H12 việc yêu cầu bà Võ Thị Kim L5 số tiền gốc 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 9.627.988 (Chín triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi tám) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/12/2024, nguyên đơn bà Võ Thị H kháng cáo một phần bản án sơ

thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn bà L6 đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 125/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Võ Thị H; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn thừa nhận có vay tiền của bà H, tính đến ngày 01/01/2024 bà L2 nợ bà H4 tiền 241.500.000 đồng. Sự thừa nhận của bị đơn là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, bà L7 rằng bà có trả cho bà H13 đồng, bà H14 ghi vào giấy mượn tiền nên bà L8 còn nợ 141.500.000 đồng và tiền lãi. Trong khi đó, bà H2 rằng bà L6 có trả số tiền 100.000.000 đồng nên kháng cáo đối với số tiền này.

[2] Căn cứ “Giấy mượn tiền ngày 27/10/2023”, tại đoạn giữa tờ giấy này có dòng chữ “ngày 19/3/2024 lấy 100tr”. Bị đơn bà L7 rằng khi bà trả tiền cho bằng H thì bà H15 dòng chữ này vào giấy mượn tiền. Trong khi đó, tại biên bản đối chất giữa bà H16 và L6 bà H17 bày dòng chữ “ngày 19/3/2024 lấy 100tr” trong tờ biên nhận là tiền bạc bà H15 để nhớ, do bà H18 tiền của người khác để đưa tiền cho bà L1 lại, không liên quan đến số tiền bà cho bà L1. Ngày 19/3/2024, bà L6 có trả cho bà 100.000.000 đồng tiền gốc như bà L4 bày.

Tuy nhiên, bà H21 chịu trách nhiệm về nội dung mà mình đã ghi vào “Giấy mượn tiền”, vì giấy mượn tiền này được xem như là hợp đồng vay tiền giữa bà H16 và L. Đồng thời, lời trình bày của bà H19 người đại diện theo ủy quyền của bà H20 không thống nhất với nhau, bà H2 rằng bà ghi lại để nhớ, do bà H18 tiền của người khác để cho bà L1 lại. Trong khi đó, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng việc bà H15 nội dung “ngày 19/3/2024 lấy 100tr” vào

giấy mượn tiền này là bà H15 để nhớ việc riêng của mình không liên quan đến số tiền bà L1. Từ đó, có cơ sở xác định vào ngày 19/3/2024 bà L9 trả cho bà Hằng số tiền 100.000.000 đồng nên bà L2 nợ bà H4 tiền gốc là 141.500.000 đồng, bà L10 có trách nhiệm trả cho bà Hằng số tiền trên.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị H21 chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 125/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H1

Buộc bà Võ Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị H11 Số tiền 157.370.138đ (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 141.500.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 15.870.138 (Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H12 việc yêu cầu bà Võ Thị Kim L5 số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu

đồng) và tiền lãi là 9.627.988đ (Chín triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Võ Thị Kim L phải chịu 7.868.500đ (Bảy triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Buộc bà Võ Thị H21 chịu 5.481.399đ (Năm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn ba trăm chín mươi chín đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.488.000đ (Sáu triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004544 ngày 17/10/2024. Chi cục thi hành án huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm hoàn lại cho bà Võ Thị H11 Tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.006.601đ (Một triệu không trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm lẻ một đồng).

[3.2] Án phí phúc thẩm: Buộc bà Võ Thị H21 chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006695 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng